

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 269/2025/HS-PT
Ngày 23 tháng 12 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Tân Long, ông Trần Đức Kiên

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Lữ Thị Hằng

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 12 năm 2025, mở phiên tòa công khai tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 234/2025/TLPT-HS ngày 28/10/2025 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 111/2025/HS-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 182/2025/QĐXXPT-HS ngày 01/12/2025 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, đối với:

Bị cáo: **Đặng Thị L**, sinh ngày 15 tháng 10 năm 1979 tại tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: **Thôn Đ, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai (nay là thôn Đ, xã I, tỉnh Gia Lai)**; căn cước công dân: 0401 7900 5599 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 13/4/2021; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đặng Thọ T** và bà **Lê Thị B** (đều đã chết); có chồng là **Quách Văn H** và 01 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo ra đầu thú ngày 11/3/2024 và bị tạm giữ, tạm giam. Bị cáo đã đi chấp hành án phạt tù nên vắng mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Chị **Trần Thị Xuân N**, sinh năm 1990; địa chỉ: **Tổ D, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai (nay là tổ D, phường T, tỉnh Gia Lai)**, vắng mặt.

2. Bà **Hồ Thị Á**, sinh năm 1964; địa chỉ: **C L, tổ A, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai (nay là C L, tổ A, phường T, tỉnh Gia Lai)**, có mặt.

3. Bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1975; địa chỉ: **Tổ E, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai (nay là tổ E, phường T, tỉnh Gia Lai)**, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị **Huỳnh Thị Đỗ Q**, sinh năm 1979; địa chỉ: **A M, tổ D, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai (nay là A11 M, tổ D, phường T, tỉnh Gia Lai)**, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ tháng 10/2022 đến tháng 09/2023, do cần tiền để sử dụng vào mục đích cá nhân và trả nợ, **Đặng Thị L** đã đưa ra các thông tin gian dối như: Cần tiền làm đảo hạn ngân hàng, buôn bán đất đai, mua bán nông sản, cho người khác vay lại, chăm sóc vườn cây cà phê... cam kết hứa hẹn trả tiền gốc, lãi đúng hạn với lãi suất cao để huy động tiền vay của các cá nhân. Tin tưởng thông tin **L** đưa ra là thật, chị **Trần Thị Xuân N**, bà **Hồ Thị Á** và bà **Nguyễn Thị X** đã nhiều lần chuyển tiền cho **Đặng Thị L** vay với nhiều khoản tiền khác nhau. Sau khi nhận được tiền, **L** không thực hiện như cam kết mà sử dụng số tiền của những người này để xoay vòng trả gốc và lãi cho các khoản vay của **L** và tiêu xài cá nhân dẫn đến mất khả năng thanh toán trả nợ. Đến thời hạn trả nợ, **L** lấy nhiều lý do không trả tiền và rồi bỏ trốn khỏi địa phương chiếm đoạt tiền của các cá nhân **Trần Thị Xuân N**, **Hồ Thị Á** và bà **Nguyễn Thị X**, cụ thể như sau:

1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 2.903.090.000 đồng của chị Trần Thị Xuân N (sinh năm 1990. trú tại tổ D, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai):

Do có mối quan hệ quen biết nhau từ trước, trong thời gian từ ngày 07/10/2022 đến ngày 16/9/2023, **Đặng Thị L** đã nhiều lần vay tiền của chị **Trần Thị Xuân N** với nhiều khoản vay khác nhau. Khi vay tiền của chị **N**, **L** đưa ra các thông tin gian dối như vay tiền để mua bán đất, hàng nông sản và gửi cho cháu của **L** làm việc tại ngân hàng của **thành phố V, tỉnh Nghệ An** đang làm kinh doanh cho vay đảo hạn ngân hàng, thời hạn vay từ 5 đến 10 ngày cam kết trả tiền gốc, lãi đúng hạn và thỏa thuận trả tiền lãi suất cao, trả thêm hoa hồng cho các khoản tiền **L** vay để mua bán đất. Tin tưởng thông tin do **L** đưa ra là thật nên chị **N** đồng ý cho vay. Thời gian đầu, khi vay các khoản tiền nhỏ, **L** trả tiền gốc, lãi sòng phẳng đúng hạn và tạo được lòng tin với chị **N**. Sau đó, **L** tăng số tiền vay lên và không trả hết toàn bộ gốc vay mà chỉ trả một phần tiền gốc, tiền lãi. Để chị **N** tin tưởng không yêu cầu **L** trả toàn bộ khoản vay cũ trước khi cho vay khoản vay mới thì **L** đã trả thêm tiền hoa hồng và nói là kiếm được tiền lời từ mua bán đất, đồng thời **L** đưa ra thông tin gian dối có khách hàng mới cần vay đảo hạn ngân hàng nếu không cho vay ngay sẽ mất khách nên **L** không trả toàn bộ số tiền vay cho chị **N** mà chuyển khoản vay trước của **N** cho khách vay tiếp và vay thêm khoản tiền khác của chị **N**.

Trong thời gian từ ngày 07/10/2022 đến ngày 16/9/2023, do tin tưởng vào các thông tin gian dối do **L** đưa ra là thật, chị **N** đã nhiều lần chuyển khoản và đưa tiền mặt cho **L**. Căn cứ kết quả sao kê tài khoản xác định chị **N** đã chuyển cho **L** số tiền 41.980.730.000 đồng (trong đó, chị **N** dùng các tài khoản ngân hàng số BIDV số 623100002000031, 62310000171119 và tài khoản **ngân hàng M** số 2906906789 của chị **N** để chuyển khoản tổng số tiền 34.860.730.000 đồng đến tài khoản BIDV số 62310000195782 của **Đặng Thị L**; sử dụng tài khoản BIDV số 62310000107761 của anh **Lê Doãn N1** (bạn của **N**) chuyển khoản số tiền 6.120.000.000 đồng đến tài khoản của **L** và đưa tiền mặt cho **L** với số tiền 1.000.000.000 đồng). Sau khi nhận tiền của chị **N**, **L** đã nhiều lần chuyển khoản và đưa tiền mặt trả cho chị **N** với tổng số tiền 39.073.640.000 đồng (gồm chuyển

khoản số tiền 33.031.290.000 đồng đến các tài khoản ngân hàng của chị N, chuyển khoản số tiền 5.722.350.000 đồng đến tài khoản của anh N1 để trả cho chị N và trả tiền mặt 320.000.000 đồng). Số tiền 2.903.090.000 đồng còn lại, L đã chiếm đoạt để trả nợ cho nhiều cá nhân khác

Khi đến hạn trả nợ chị N đòi lại tiền thì L đưa ra thông tin gian dối do hồ sơ ngân hàng làm chưa xong chưa có tiền trả cho N. Chị N đã nhiều lần đòi tiền và yêu cầu L thực hiện việc trả nợ theo cam kết nhưng L chỉ hứa hẹn nhưng không trả. Đến ngày 24/9/2023, L đã bỏ trốn khỏi địa phương nên chị N đã làm đơn tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của L.

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 860.000.000 đồng của bà Hồ Thị Á (sinh năm 1964, trú tại tổ A, phường Y, Tp P, tỉnh Gia Lai):

Do có mối quan hệ quen biết với bà Hồ Thị Á từ trước, vào ngày 27/7/2023, Đặng Thị L đến nhà bà Hồ Thị Á và đưa ra thông tin gian dối cần vay tiền giúp cháu họ của L để đặt vấn đề vay của bà Hồ Thị Á số tiền 50.000.000 đồng. Tin tưởng thông tin L đưa ra là thật, bà Á đồng ý cho L vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất tự thỏa thuận, thời hạn vay 3 ngày, hai bên có viết giấy vay tiền ghi ngày 27/7/2023. Đến ngày 06/8/2023, L tiếp tục đưa ra thông tin gian dối cần vay tiền để mua phân bón cho vườn cây cà phê của nhà L. Bà Á tin tưởng thông tin L đưa ra là thật nên tiếp tục cho L vay số tiền 10.000.000 đồng và hai bên viết giấy vay tiền ghi ngày 06/8/2023.

Ngày 30/8/2023, Đặng Thị L tiếp tục đến nhà bà Hồ Thị Á và đưa ra thông tin gian dối, cần vay tiền để đáo hạn ngân hàng cho L để hỏi vay bà Á số tiền 800.000.000 đồng, thời hạn vay 2 ngày. Tin tưởng thông tin L đưa ra là thật, bà Á đã đồng ý cho L vay số tiền 800.000.000 đồng, lãi suất 2.500 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Sau đó bà Á đã dùng tài khoản ngân hàng V (do con gái bà Á là Nguyễn Thanh T1 đứng tên chủ tài khoản) chuyển số tiền 800.000.000 đồng vào tài khoản BIDV số 62310000195782 của Đặng Thị L. Sau khi nhận tiền từ bà Á, L đã sử dụng để chuyển khoản trả nợ cho nhiều cá nhân khác, cụ thể: Chuyển số tiền 793.129.000 đồng đến tài khoản số 040101311661 của Huỳnh Thị Đỗ Q để trả nợ; chuyển số tiền 2.088.000 đồng đến tài khoản số 240144959 tên Phan Ngọc N2 để tiêu xài cá nhân; chuyển số tiền 4.500.000 đồng đến tài khoản số 62610001037279 của Quách Thị Diễm Q1 (là con gái L); chuyển số tiền 50.000.000 đồng đến tài khoản số 62310000200031 của Trần Thị Xuân N để trả nợ; chuyển số tiền 700.000 đồng đến tài khoản số 291000284776 tên Trịnh Thị H1 trả tiền mua hàng; chuyển số tiền 500.000 đồng đến tài khoản số 104872073628 tên Trần Thị Hồng N3 để cho chị N3; chuyển số tiền 12.600.000 đồng đến tài khoản số 13510000737823 của Trần Thị Phương L1 để trả nợ cho bà Nguyễn Thị X; chuyển số tiền 1.000.000 đồng đến tài khoản số 62310000188377 của Châu Thị T2 để trả nợ.

Ngày 02/9/2023, đến thời hạn trả nợ, bà Á đã gọi điện thoại liên lạc yêu cầu L trả tiền thì L đưa ra các thông tin gian dối như hồ sơ đáo hạn ngân hàng bị trục trặc, ngân hàng chưa giải ngân nên chưa có tiền để trả nợ cho bà Á và hẹn một tuần sau sẽ trả đủ. Ngày 10/9/2023, L đã chuyển khoản số tiền 100.000.000 đồng đến tài khoản của Nguyễn Thanh T1 để trả cho bà Á. Ngày 15/9/2023, L tiếp tục

chuyển khoản số tiền 110.000.000 (gồm 100.000.000 đồng tiền gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi) để trả cho bà. Lúc này, bà **A** yêu cầu **L** phải trả hết số tiền còn lại nhưng **L** không trả tiền cho bà **A**. Đến ngày 19/9/2023, sau nhiều lần đòi nợ không được, bà **A** và **L** chốt số tiền **L** đã vay và yêu cầu **L** viết lại Giấy vay tiền với nội dung **Đặng Thị L** vay mượn tiền của bà **A** số tiền 700.000.000 đồng, mục đích vay đáo hạn thời hạn trả nợ 02 ngày. Tuy nhiên, đến ngày 24/9/2023 thì **Đặng Thị L** đã bỏ trốn khỏi địa phương chiếm đoạt tiền vay của bà **A**. Do đó, bà **A** đã làm đơn tố giác **Đặng Thị L** về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tổng cộng, trong thời gian từ ngày 27/7/2023 đến ngày 30/8/2023, do tin tưởng vào thông tin gian dối về việc cần vay tiền giúp cháu họ, vay tiền để mua phân bón cho vườn cà phê và vay tiền để đáo hạn mà **Đặng Thị L** đưa ra là thật nên bà **Hồ Thị Á** đã nhiều lần giao tiền cho **L** và bị **L** chiếm đoạt với tổng số tiền 860.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, **Đặng Thị L** đã sử dụng vào việc trả nợ cho các cá nhân khác. Sau đó, **L** chỉ trả lại cho bà **A** số tiền 200.000.000 đồng, số tiền 660.000.000 đồng còn lại **L** chưa trả.

3. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản số tiền 880.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị X (sinh năm 1975, trú tại tổ E, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai):

Do có mối quan hệ quen biết với bà **Nguyễn Thị X** từ trước, từ tháng 03/2023 đến tháng 09/2023, **Đặng Thị L** đã nhiều lần đến nhà của bà **X** đưa ra các thông tin gian dối làm bà **X** tin tưởng đồng ý đi vay tiền của người khác đưa cho **L** vay rồi bị **L** chiếm đoạt, cụ thể như sau:

Ngày 01/03/2023, **Đặng Thị L** đến nhà đưa ra thông tin gian dối cần vay tiền để đáo hạn ngân hàng để nhờ bà **X** đi vay của bà **Trần Thị Mỹ H2** giúp cho **L** số tiền 370.000.000 đồng. Tin tưởng thông tin **L** đưa ra là thật, bà **X** đã liên hệ vay của bà **Trần Thị Mỹ H2** số tiền 370.000.000 đồng với lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, thời hạn trả nợ đến ngày 30/9/2023. Sau khi vay tiền bà **H2** thì bà **X** đã đưa số tiền này cho **L**, **L** viết xác nhận nội dung vay tiền vào quyển vở học sinh cho bà **X**. **L** đã thực hiện việc trả lãi đến tháng 08/2023 với số tiền 97.000.000 đồng. Riêng số tiền 370.000.000 đồng, **L** chưa trả.

Ngày 05/3/2023, **Đặng Thị L** tiếp tục đưa ra thông tin gian dối cần vay tiền đáo hạn ngân hàng để nhờ bà **X** đi vay của bà **Nguyễn Thị H3** giúp cho **L** số tiền 110.000.000 đồng. Tin tưởng thông tin **L** đưa ra, bà **X** liên hệ vay của bà **Nguyễn Thị H3** số tiền 110.000.000 đồng, lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, thời hạn trả nợ gốc ngày 12/12/2023. Sau khi vay được tiền của bà **H3**, bà **X** đã đưa cho **L** vay số tiền 110.000.000 đồng, **L** nhận tiền vay và viết xác nhận nội dung vay tiền vào quyển vở học sinh cho bà **X**. **L** thực hiện trả tiền lãi đến hết tháng 08/2023 với số tiền 39.600.000 đồng. Riêng số tiền 110.000.000 đồng, **L** chưa trả.

Ngày 08/9/2023, **Đặng Thị L** tiếp tục đưa ra thông tin gian dối cần vay tiền để gửi cho cháu của **L** đáo hạn ngân hàng nên nhờ bà **X** đi vay của bà **Trần Thị H4** giúp cho **L**. Tin tưởng thông tin **L** đưa ra là thật, bà **X** đã liên hệ vay của bà **Trần Thị H4** số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, cam kết đến ngày 23/9/2023 trả tiền gốc. Sau khi vay tiền của bà **H4**, bà **X**

đã giao tiền mặt cho L, L đã viết xác nhận việc vay tiền này vào quyển vở học sinh cho bà X.

Sau khi được bà X giao số tiền 880.000.000 đồng nêu trên, L không sử dụng vào mục đích như thông tin đã đưa ra mà đã chiếm đoạt để trả nợ cho các cá nhân khác. Đến ngày 24/9/2024, L bỏ trốn khỏi địa phương chiếm đoạt tổng số tiền 880.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị X nên bà X đã làm đơn tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của L.

Như vậy, từ tháng 10/2022 đến tháng 9/2023, Đặng Thị L đã đưa ra các thông tin gian dối làm cho chị Trần Thị Xuân N, bà Hồ Thị Á và bà Nguyễn Thị X tin tưởng là thật giao số tiền 4.643.090.000 đồng. Sau khi nhận tiền từ các cá nhân này, L đã sử dụng vào mục đích trả nợ cho người khác và tiêu xài cá nhân. Đến thời điểm trả nợ, L không thực hiện đúng cam kết như thông tin đưa ra và không có tiền trả lại cho các bị hại nên L đã bỏ trốn khỏi địa phương và bị những người này làm đơn tố giác hành vi phạm tội. Đến ngày 11/3/2024, L ra đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

* Vật chứng:

- Cơ quan điều tra đã thu giữ của bà Hồ Thị Á giao nộp 03 giấy mượn tiền ngày 27/7/2023, 6/8/2023, 19/9/2023; chị Trần Thị Xuân N giao nộp 01 giấy vay tiền ngày 01/3/2023, bà Nguyễn Thị X giao nộp 01 quyển vở ô ly thể hiện nội dung vay mượn tiền của L. Tại các Kết luận giám định số 1028/KL-KTHS ngày 08/12/2023 và số 456/KL-KTHS ngày 10/5/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh G kết luận chữ ký, chữ viết tại các giấy vay mượn tiền và quyển vở ô ly này so với chữ ký, chữ viết của Đặng Thị L trên các mẫu so sánh do cùng một người ký và viết ra.

- Chị Quách Thị Diễm Q1 (con gái của L) đã giao nộp 01 điện thoại di động hiệu OPPO REN08, màu ánh kim và 01 thẻ sim Viettel; chị Trương Thị T3 giao nộp số tiền 150.000.000 đồng.

* Về dân sự: Bị can Đặng Thị L đã trả cho bị hại Hồ Thị Á số tiền 200.000.000 đồng. Hiện các bị hại yêu cầu L phải bồi thường số tiền 4.470.090.000 đồng (Trong đó, chị N yêu cầu bồi thường số tiền 2.903.000.000 đồng, bà Á yêu cầu bồi thường số tiền 660.000.000 đồng, bà X yêu cầu bồi thường số tiền 880.000.000 đồng) và tiền lãi tính theo lãi suất ngân hàng. Bị can L chưa bồi thường số tiền theo yêu cầu này cho các bị hại.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 111/2025/HS-ST ngày 11/9/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Thị L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đặng Thị L 12 (mười hai) năm 9 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/3/2024.

3. Về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự:

- Truy thu số tiền 660.000.000 đồng (sáu trăm sáu mươi triệu đồng) của bà **Huỳnh Thị Đỗ Q** để trả lại cho bà **Hồ Thị Á**;

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về biện pháp tư pháp và trách nhiệm bồi thường của bị cáo cho bị hại **Trần Thị Xuân N**, bị hại **Nguyễn Thị X**, quyết định về xử lý vật chứng, án phí

- Sau khi xét xử sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Huỳnh Thị Đỗ Q** kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm truy thu buộc bà phải nộp lại số tiền 660.000.000 đồng để trả lại bà **Hồ Thị Á**.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Huỳnh Thị Đỗ Q** giữ nguyên kháng cáo.

- Bị hại bà **Hồ Thị Á** đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Huỳnh Thị Đỗ Q**.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Bị cáo **L** chưa trả đủ số tiền đã nhận của bà **Huỳnh Thị Đỗ Q** nên bà **Q** cũng là bị hại; do đó, đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà **Q** sửa bản án sơ thẩm không truy thu buộc bà **Q** nộp lại 660.000.000 đồng để trả bị hại **Hồ Thị Á** bà buộc bị cáo **L** phải trả bà **Á** số tiền này.

- Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả xét hỏi, tranh tụng công khai tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm về phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo **Đặng Thị L** không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật và bị cáo **L** đã đi chấp hành án phạt tù.

[2] Sau xét xử sơ thẩm chỉ có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Huỳnh Thị Đỗ Q**. Xét kháng cáo của bà **Huỳnh Thị Đỗ Q** nội dung không đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm truy thu buộc bà **Q** phải nộp lại số tiền 660.000.000 đồng mà bị cáo **L** chuyển trả nợ bà **Q** để trả lại bị hại bà **Hồ Thị Á**, cấp phúc thẩm thấy:

Bản án sơ thẩm đã xác định trong khoảng thời gian từ tháng 10/2022 đến tháng 9/2023 do cần tiền để sử dụng vào mục đích cá nhân và trả nợ, bị cáo **Đặng Thị L** đã đưa ra các thông tin gian dối, không có thật như cần tiền làm đảo hạn Ngân hàng, buôn bán bất động sản, mua bán nông sản, cho người khác vay lại,

chăm sóc vườn cây cà phê.. và hứa hẹn trả gốc, lãi đúng hạn với lãi suất cao để chiếm đoạt tiền của các bị hại bà **Trần Thị Xuân N**, bà **Hồ Thị Á**, bà **Nguyễn Thị X**.

Hành vi chiếm đoạt tiền của bị cáo **L** đối với bà **Hồ Thị Á** như sau: Tin vào thông tin gian dối, không có thật mà bị cáo **Đặng Thị L** đưa ra nên ngày 30/8/2023 bà **Á** chuyển khoản cho **L** số tiền 860.000.000 đồng, cùng ngày **L** sử dụng số tiền vừa nhận của bà **Á** chuyển đến tài khoản số 040101311661 tên **Huỳnh Thị Đỗ Q** số tiền 793.129.000 đồng để trả nợ cho bà **Q**. Xét số tiền bị cáo **L** chuyển khoản trả nợ bà **Q** là tiền **L** có được do lừa đảo chiếm đoạt của bà **Á** nên Tòa cấp sơ thẩm căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự truy thu buộc bà **Q** nộp lại để trả bị hại **Hồ Thị Á** là có căn cứ, đúng pháp luật; do bị cáo **L** đã trả cho bà **Á** 200.000.000 đồng, nên cấp sơ thẩm truy thu buộc bà **Q** nộp lại số tiền 660.000.000 đồng để trả bà **Á** là đúng.

Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà **Q** giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Huỳnh Thị Đỗ Q**, giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số 111/2025/HS-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai về nghĩa vụ của bà **Q** như sau:

Về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự: truy thu buộc bà **Huỳnh Thị Đỗ Q** nộp lại số tiền 660.000.000 đồng (sáu trăm sáu mươi triệu đồng) để trả lại cho bị hại bà **Hồ Thị Á**. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- Viện công tố và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- bà **Hồ Thị Á**, bà **Huỳnh Thị Đỗ Q** Nguyên;
- Lưu: Phòng lưu trữ; Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Kim Nhân